

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.214.905.964.108	801.473.216.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	134.300.106.335	230.408.794.588
1. Tiền	111		43.715.639.668	24.408.794.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.584.466.667	206.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		356.181.626.374	318.445.015.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		166.065.060.304	175.041.575.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		164.967.363.069	120.213.145.912
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		29.179.085	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	28.512.477.283	26.582.747.216
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.392.453.367)	(3.392.453.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		718.856.730.585	223.478.998.410
1. Hàng tồn kho	141	V.5	720.919.877.273	225.542.145.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(2.063.146.688)	(2.063.146.688)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.567.500.814	29.140.408.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	5.109.823.624	25.797.782.881
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.241.136	44.781.695
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	318.531.054	255.135.676
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	33.905.000	3.042.707.961

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.382.568.265.770	1.439.923.043.746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.647.317	24.824.630
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		46.147.317	47.324.630
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		1.314.080.329.231	1.370.777.570.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.215.158.239.816	1.288.885.286.664
<i>Nguyên giá</i>	222		2.403.810.300.976	2.405.929.882.744
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.188.652.061.160)	(1.117.044.596.080)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10.995.995.322	6.499.203.752
<i>Nguyên giá</i>	228		19.322.467.795	14.596.060.332
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.326.472.473)	(8.096.856.580)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	87.926.094.093	75.393.079.914
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.060.498.365	35.553.312.333
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	19.569.798.365	20.062.612.333
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	15.490.700.000	15.490.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.403.790.857	33.567.336.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	33.403.790.857	33.202.073.850
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	365.262.603
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.597.474.229.878	2.241.396.260.598

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.123.316.252.769	774.403.637.337
I. Nợ ngắn hạn	310		1.065.843.977.069	715.979.261.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		177.618.927.282	67.657.090.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.664.401.148	383.205.666
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	4.930.702.715	18.360.534.819
4. Phải trả người lao động	314		5.864.774.906	19.960.398.858
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	27.527.890.070	9.543.071.327
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	32.712.503.916	19.746.051.405
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	724.518.944.532	511.570.040.280
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	68.005.832.500	68.758.868.643
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		57.472.275.700	58.424.375.390
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		151.320.000	1.040.687.623
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	2.000.000.000	2.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		55.320.955.700	55.383.687.767

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.473.736.583.641	1.466.548.545.531
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.473.180.955.384	1.465.709.837.274
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	180.176.411.784	180.276.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.24	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	507.966.645.058	507.327.289.159
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		65.460.291.180	65.460.291.180
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.645.845.151	12.645.845.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.931.762.211	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		421.393.468	444.077.730
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		555.628.257	838.708.257
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	472.293.593	755.373.593
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.27	83.334.664	83.334.664
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.597.474.229.878	2.241.396.260.598

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		65.216.955.000	229.150.860.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.565.227.263	1.565.227.263
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.644,92	2.645,00
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Lê Đức Anh

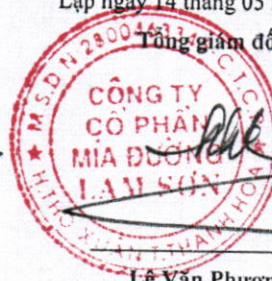
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I- Năm 2015

Đơn vị tính: VND

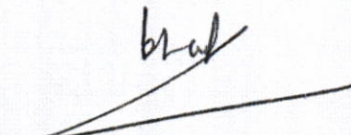
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ			
			Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	333.218.408.517	427.496.871.332	333.218.408.517	427.496.871.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	59.342.144.900	-	59.342.144.900	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	273.876.263.617	427.496.871.332	273.876.263.617	427.496.871.332
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	235.591.330.930	369.728.182.782	235.591.330.930	369.728.182.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.284.932.687	57.768.688.550	38.284.932.687	57.768.688.550
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.294.521.130	1.561.445.182	2.294.521.130	1.561.445.182
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.903.904.483	19.725.910.254	7.903.904.483	19.725.910.254
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.903.505.123	15.703.395.754	7.903.505.123	15.703.395.754
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	12.703.572.040	7.499.297.173	12.703.572.040	7.499.297.173
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.050.266.155	12.198.250.307	11.050.266.155	12.198.250.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.921.711.139	19.906.675.998	8.921.711.139	19.906.675.998
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.405.550.736	126.048.015	1.405.550.736	126.048.015
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.058.281.871	1.127.201.040	1.058.281.871	1.127.201.040
13. Lợi nhuận khác	40		347.268.865	(1.001.153.025)	347.268.865	(1.001.153.025)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(221.040.191)	(375.996.817)	(221.040.191)	(375.996.817)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.047.939.813	18.529.526.156	9.047.939.813	18.529.526.156
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.116.177.602	4.958.465.935	2.116.177.602	4.958.465.935
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(395.548)	-	(395.548)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.931.762.211	13.571.455.769	6.931.762.211	13.571.455.769
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		(22.784.961)	(47.186.500)	(22.784.961)	(47.186.500)
20. Lợi ích của Công ty	80		6.954.547.172	13.618.642.269	6.954.547.172	13.618.642.269

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I - Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.047.939.813	18.529.526.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		71.837.060.975	72.332.680.840
- Các khoản dự phòng	03		-	(490.614.791)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(593.439.802)	(1.560.060.934)
- Chi phí lãi vay	06		7.903.505.123	15.703.395.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		88.195.066.109	104.514.927.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.909.463.612)	(23.789.594.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(495.377.732.175)	(475.929.756.233)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		161.627.128.488	364.887.347.545
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.482.754.977	23.450.284.347
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.229.136.020)	(8.550.714.876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.660.000.000)	(6.112.219.682)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(105.026.136)	107.030.220
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.136.116.143)	(2.263.500.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(294.112.524.512)	(23.686.195.961)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.318.518.255)	(6.348.959.207)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(219.989.540)	(314.444.970)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		593.439.802	1.472.814.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.945.067.993)	1.409.410.480

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

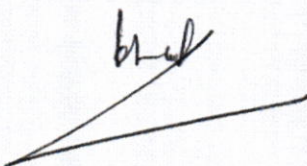
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		699.357.326.532	349.046.462.464
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(486.408.422.280)	(323.163.499.855)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>212.948.904.252</i>	<i>25.882.962.609</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(96.108.688.253)	3.606.177.128
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	230.408.794.588	22.984.476.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	134.300.106.335	26.590.653.259

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

Biểu này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I - Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 06 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100,00	100,00
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100,00	100,00
3. Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100,00	58,94
4. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa	94,98	77,78
5. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp dịch vụ thương mại Vân Sơn	Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	93,38	78,95
6. Trường CĐ Nghề Lam Kinh	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90,04	90,04

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.093.778.266	5.091.997.086
Tiền gửi ngân hàng	38.621.861.402	19.316.797.502
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	90.584.466.667	206.000.000.000
Cộng	<u>134.300.106.335</u>	<u>230.408.794.588</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác - cho vay ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cho vay, lãi dự thu	-	-
Phải thu CBCNV (BHXH, Thuế TNCN)	562.265.288	812.330.978
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	13.768.938.800	13.768.938.800
Phải thu Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Các khoản phải thu khác	5.677.212.889	3.497.417.132
Cộng	<u>28.512.477.283</u>	<u>26.582.747.216</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	116.232.934.563	147.611.867.865
Công cụ, dụng cụ	762.364.823	1.520.748.805
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.203.765.781	52.613.716.197
Thành phẩm	583.218.550.637	21.139.609.221
Hàng hóa	2.502.261.469	2.656.203.010
Cộng	<u>720.919.877.273</u>	<u>225.542.145.098</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.063.146.688)	(2.063.146.688)
Cộng	<u>(2.063.146.688)</u>	<u>(2.063.146.688)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(2.063.146.688)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	<u>(2.063.146.688)</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.109.823.624	25.797.782.881
Cộng	<u>5.109.823.624</u>	<u>25.797.782.881</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	318.531.054	255.135.676
Cộng	<u>318.531.054</u>	<u>255.135.676</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	-	2.358.346.487
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	684.361.474
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	33.905.000	-
Cộng	<u>33.905.000</u>	<u>3.042.707.961</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2015	419.864.123.645	1.886.897.198.040	75.909.064.402	22.726.106.657	533.390.000	2.405.929.882.744
Tăng trong năm						
<i>Mua sắm mới</i>		1.866.087.671	464.000.000			2.330.087.671
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	1.615.316.055					1.615.316.055
<i>Tăng khác</i>	2.917.527.091					2.917.527.091
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			(695.047.273)			(695.047.273)
<i>Chuyển thành CCDC</i>						
<i>Giảm khác</i>	(1.873.024.091)	(6.363.898.494)		(50.542.727)		(8.287.465.312)
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2015	422.523.942.700	1.882.399.387.217	75.678.017.129	22.675.563.930	533.390.000	2.403.810.300.976
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2015	204.181.742.783	833.491.616.989	58.851.229.648	20.400.865.951	119.140.709	1.117.044.596.080
Tăng trong năm						
<i>Khấu hao trong năm</i>	5.540.489.843	63.265.211.665	2.586.179.229	202.991.993	12.592.350	71.607.465.080
<i>Khấu hao TSCĐ phúc lợi</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2015	209.722.232.626	896.756.828.654	61.437.408.877	20.603.857.944	131.733.059	1.188.652.061.160
Giá trị còn lại						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2015	215.682.380.862	1.053.405.581.051	17.057.834.754	2.325.240.706	414.249.291	1.288.885.286.664
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2015	212.801.710.074	985.642.558.563	14.240.608.252	2.071.705.986	401.656.941	1.215.158.239.816

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm 01/01/2015	5.563.580.614	9.032.479.718	14.596.060.332
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác	4.726.407.463		4.726.407.463
Thanh lý nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 31/03/2015	10.289.988.077	9.032.479.718	19.322.467.795
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm 01/01/2015	261.057.510	7.835.799.070	8.096.856.580
Khấu hao trong năm	32.955.522	196.660.371	229.615.893
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 31/03/2015	294.013.032	8.032.459.441	8.326.472.473
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.302.523.104	1.196.680.648	6.499.203.752
Số cuối kỳ	9.995.975.045	1.000.020.277	10.995.995.322

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Hoàn thiện công suất đường luyện	1.787.011.935	-
Dự án khu VP làm việc tại Hà Nội	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	28.622.988.841	22.056.826.940
Dự án Khu nhà làm việc, nhà ở CBNV	649.836.363	613.472.727
Dự án Cụm Công nghiệp Điện Trung	-	-
Dự án Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	25.772.443.217	22.451.580.977
Dự án xử lý môi trường Nhà máy Cồn	377.159.922	-
Dự án xây dựng Văn phòng Hiệp hội	1.828.549.181	1.828.549.181
Dự án kho đường	424.916.639	424.916.639
Các công trình khác	7.379.110.009	6.933.655.464
Mua sắm TSCĐ		
Mua sắm TSCĐ		
Cộng	87.926.094.093	75.393.079.914

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 31/03/2015
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ %	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	25A Quang Trung-TP Thanh Hóa	38,23%	46,31%	3.910.593.653
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển	KCN Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội	30,71%	38,39%	-
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Như Xuân	Như Xuân - Thanh Hóa	32,00%	32,00%	15.659.204.712
Cộng				19.569.798.365

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu	-	-
Cho vay dài hạn	-	-
<i>Công ty Cổ phần ĐTTM Lam Sơn</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần vận tải Lam Sơn</i>	-	-
<i>Khác</i>	-	-
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	15.490.700.000	15.490.700.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>		
<i>Công ty Cổ phần đầu tư TM Lam Sơn</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh</i>		
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông</i>	2.314.200.000	2.314.200.000
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tiger Fund</i>	900.000.000	900.000.000
<i>Công ty CP Du lịch & Thương mại Lam Sơn</i>		
Cộng	15.490.700.000	15.490.700.000

15. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư dài hạn	-	-

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	495.651.423	368.028.391
Chi phí thuê đất	25.617.270.378	25.244.646.282
CP triển khai CN tưới ngầm Netafim (Israel)	-	-
Chi phí quy hoạch sử dụng đất	695.500.091	695.500.091
Chi phí cày đất trồng mía	120.373.601	580.460.706

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Chi phí khác	381.859.608	465.192.617
Chi phí quy hoạch của CNC	5.375.569.484	5.604.265.782
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	515.849.265	445.696.988
Cộng	33.202.073.850	33.403.790.857

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	723.288.944.532	510.240.040.280
- Ngân hàng Công thương VN - CN Thanh Hóa	472.039.151.278	313.982.586.081
- Ngân hàng NN PTNT VN - CN Lam Sơn	1.000.000.000	-
- Ngân hàng VIB	49.792.593.588	20.500.000.000
- Ngân hàng ACB	200.457.199.666	141.857.199.666
- Ngân hàng Sacombank	-	11.051.001.650
- Ngân hàng Quân đội	-	22.849.252.883
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.230.000.000	1.330.000.000
- Các đối tượng khác	1.230.000.000	1.330.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	724.518.944.532	511.570.040.280

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.166.396.271	776.288.436	11.708.998.559	233.686.148
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.175.696.341	2.175.572.980	4.660.000.000	4.691.269.321
Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	5.796.640	-	5.796.640	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.645.567	6.999.999	13.898.320	5.747.246
Cộng	18.360.534.819	2.958.861.415	16.388.693.519	4.930.702.715
Trong đó	Số đầu năm			Số cuối kỳ
Số phải nộp	18.360.534.819			4.930.702.715
Cộng	18.360.534.819			4.930.702.715

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri, phân bón	5%
Cồn, dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn, ăn uống	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	4.504.617.478	4.554.316.131
Cước vận chuyển	-	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-
Chi phí khuyến mại	1.202.748.100	-
Chi phí thu mua mía và các chi phí liên quan	10.617.116.023	40.776.063
Chi hợp đồng bảo vệ vụ ép	-	-
Chi phí phải trả - Dự án hoàn thiện nâng cao công suất đường luyện	1.716.640.000	-
Quỹ khuyến học	-	-
Các khoản khác	9.486.768.469	4.947.979.133
Cộng	<u>27.527.890.070</u>	<u>9.543.071.327</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	4.599.833.277	608.393.440
Kinh phí công đoàn	1.859.307.635	1.903.036.784
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	796.404.983	2.136.571.913
Các khoản phải trả khác	25.456.958.021	15.098.049.268
Cộng	<u>32.712.503.916</u>	<u>19.746.051.405</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa	-	-
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Hóa	-	-
- Ngân hàng khác	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm)	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	<u>2.000.000.000</u>

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Số đầu năm	-
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	-
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**24. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	Quỹ khác thuộc VCSH (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
Số đầu năm trước	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	491.067.590.288	62.856.684.456	65.460.291.180	54.192.502.260
Cổ đông góp vốn	200.000.000.000							
<i>Trong đó - bằng tiền - cổ tức</i>	<i>200.000.000.000</i>							
Lợi nhuận năm trước								51.343.714.863
Trích lập các quỹ trong năm trước					12.058.393.697	1.971.940.655		(17.974.215.662)
Chia cổ tức năm trước								(72.500.000.000)
Chi thường								
ĐC các khoản đầu tư vào Cty LK theo PP vốn chủ								
Lợi ích cổ đông thiểu số					4.201.305.174	498.483.224		(2.416.156.310)
Các khoản khác								
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	507.327.289.159	65.327.108.335	65.460.291.180	12.645.845.151
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	507.327.289.159	65.327.108.335	65.460.291.180	12.645.845.151
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó: - bằng tiền - cổ tức</i>								
Lợi nhuận trong kỳ								6.954.547.172
Lợi nhuận các năm trước								
ĐC các khoản đầu tư vào Cty LK theo PP vốn chủ								
Trích lập các quỹ								
Chia cổ tức năm nay								
Lợi ích CĐ thiểu số								(22.784.961)
Các khoản khác		(100.000.000)			639.355.899			
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	507.966.645.058	65.327.108.335	65.460.291.180	19.577.607.362

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.276.411.784
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	880.176.411.784	880.276.411.784

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	22.222.466.850	22.207.101.850
Quỹ phúc lợi	1.527.008.341	789.337.198
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	45.009.393.452	45.009.393.452
Cộng	68.758.868.643	68.005.832.500

26. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	755.373.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	111.120.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	(394.200.000)
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	472.293.593

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

27. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	83.334.664
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-
Khấu hao trong năm	-
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	83.334.664

28. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	1.565.227.263
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-
Tăng khác	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong năm	-
Số cuối kỳ	1.565.227.263

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Tổng doanh thu	333.218.408.517	427.496.871.332
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>317.465.501.429</i>	<i>417.285.866.992</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>13.576.674.750</i>	<i>8.730.049.234</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>2.176.232.338</i>	<i>1.480.955.106</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(59.342.144.900)	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(59.342.144.900)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	273.876.263.617	427.496.871.332

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Giá vốn của hàng bán	227.853.724.746	360.149.108.572
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.380.829.596	7.791.170.875
Giá vốn khác	356.776.588	1.787.903.335
Cộng	235.591.330.930	369.728.182.782

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.253.037.849	321.315.182
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.783.281	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn		
Lãi bán hàng trả chậm	35.700.000	1.240.130.000
Thu nhập từ các khoản khác		
Cộng	2.294.521.130	1.561.445.182

4. Chi phí tài chính

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Chi phí lãi vay	7.903.505.123	15.703.395.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	399.360	375.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
Các khoản khác		4.022.139.500
Cộng	7.903.904.483	19.725.910.254

5. Chi phí bán hàng

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Chi phí nhân viên	2.515.009.990	2.829.530.733
Chi phí vật liệu, bao bì	11.241.192	43.908.796
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.431.610.711	589.718.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	340.995.358	283.200.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.026.418.588	556.007.255
Chi phí bằng tiền khác	2.378.296.201	3.196.931.419
Cộng	12.703.572.040	7.499.297.173

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Chi phí nhân viên quản lý	5.129.090.930	5.086.396.032
Chi phí vật liệu quản lý	86.808.178	131.880.408
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.556.467	225.318.705
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.697.547.783	1.802.114.853
Thuế, phí và lệ phí	34.736.358	123.740.385
Chi phí dự phòng	202.089.520	1.248.444.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.171.163	1.207.443.695
Chi phí bằng tiền khác	2.295.265.756	2.372.911.369
Cộng	11.050.266.155	12.198.250.307

7. Thu nhập khác

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Thu từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán vật tư, phế liệu		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.400.000	7.500.000
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Các khoản khác	1.400.150.736	118.548.015
Cộng	1.405.550.736	126.048.015

8. Chi phí khác

	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán vật tư, phế liệu		
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm dừng sản xuất		
Các khoản khác	1.058.281.871	1.127.201.040
Cộng	1.058.281.871	1.127.201.040

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ		Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	30.566.110.034	38.566.648.187
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	30.262.235.405	31.798.710.316
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	3.571.534.513	2.591.688.630

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giao dịch bán hàng

Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	8.402.492.500	-
-----------------------------	-------------	---------------	---

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả			
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	2.281.609.678	1.378.180.054

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu bán đường chiếm 84,40% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bên cạnh đó hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I - 2015</u>	<u>Quý I - 2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.931.762.211	13.571.455.769
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	6.954.547.172	13.618.642.269
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	70.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
Lãi trên cổ phiếu	99	272

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHAI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐV</u>	<u>31/03/2015</u>	<u>31/03/2014</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	46,77	45,04
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	53,23	54,96
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,25	49,52

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐV	31/03/2015	31/03/2014
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,74	50,04
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	0,01	0,44
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,31	2,02
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,13
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,03
Chỉ tiêu	ĐV	Quý I - 2015	Quý I - 2014
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,30	4,33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,53	3,17
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,35	0,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,27	0,53
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty/ trên Vốn chủ sở hữu	%	0,47	1,05

XI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 31/03/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	134.300.106.335		230.408.794.588	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	194.623.684.904	(3.392.453.367)	201.671.647.726	(3.392.453.367)
Các khoản cho vay	8.504.060.306		8.504.060.306	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000		15.490.700.000	
	352.918.551.545	(3.392.453.367)	456.075.202.620	(3.392.453.367)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	31/03/2015	01/01/2015
Vay và nợ	726.518.944.532	513.570.040.280
Phải trả người bán, phải trả khác	210.331.431.198	87.403.142.354
Chi phí phải trả	27.527.890.070	9.543.071.327
	964.378.265.800	610.516.253.961

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2015				
Tiền và tương đương tiền	134.300.106.335			134.300.106.335
Phải thu khách hàng, phải thu khác	194.577.537.587	46.147.317		194.623.684.904

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản cho vay	8.504.060.306			8.504.060.306
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	337.381.704.228	15.536.847.317		352.918.551.545
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và tương đương tiền	230.408.794.588			230.408.794.588
Phải thu khách hàng, phải thu khác	201.624.323.096	47.324.630		201.671.647.726
Các khoản cho vay	8.504.060.306			8.504.060.306
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	440.537.177.990	15.538.024.630		456.075.202.620

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2015				
Vay và nợ	724.518.944.532	2.000.000.000		726.518.944.532
Phải trả người bán, phải trả khác	210.331.431.198			210.331.431.198
Chi phí phải trả	27.527.890.070			27.527.890.070
	962.378.265.800	2.000.000.000		964.378.265.800
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	511.570.040.280	2.000.000.000		513.570.040.280
Phải trả người bán, phải trả khác	87.403.142.354			87.403.142.354
Chi phí phải trả	9.543.071.327			9.543.071.327
	608.516.253.961	2.000.000.000		610.516.253.961

Tính đến thời điểm 31/03/2015, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

XII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý I/2015 của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn (Mã chứng khoán LSS) là: 6.931.762.211 đồng giảm 6.639.693.558 đồng tương ứng giảm 48,92% so với Quý I/2014. Chủ yếu do nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng Quý I/2015 giảm 94.278.462.815 đồng tương đương giảm 22,05% so với cùng kỳ Quý I/201.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý I/2015 giảm 19.483.755.863 đồng tương đương giảm 33,73% so với cùng kỳ Quý I/2014.
- Bên cạnh đó, do gặp nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ nên Chi phí bán hàng Quý I/2015 tăng so với cùng kỳ năm 2014.

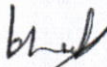
Những nguyên nhân chính trên đã ảnh hưởng đến hiệu quả trong hoạt động SXKD hợp nhất Quý I/2015 của Công ty CP mía đường Lam Sơn so với Quý I/2014.

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Đức Anh

Lê Thị Huệ

Lê Văn Phương